TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2022/HS-ST
Ngày 15-9-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thiên Hương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Viêt T
Ông Lương Văn Thoại

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Đình T - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022 tại Phòng xét xử trực tuyến – Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm D khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 125/2022/TLST-HS ngày 20 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2022/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Anh T, sinh năm 1998; ĐKHKTT và nơi ở: Th, T, V, Hưng Yên; Quốc tịch: V Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 8/12; Con ông: Nguyễn Viết C, sinh năm 1970 và con bà Đoàn Thị H, sinh năm 1974; Có vợ: Đặng Như Q, sinh năm 2001 và 01 con sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Theo danh chỉ bản số 82 của D an huyện K lập ngày 20/01/2022 có 02 tiền án, ngày 14/4/2017 Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên xử 01 năm tù về tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", ngày 25/4/2019 Tòa án nhân dân huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh xử 8 tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản", ra trại 24/10/2020. Bị cáo bắt khẩn cấp 09/01/2022, hiện đang giam tại trại tạm giam số 2 – D an TP Hà Nội. *"Có mặt"*

2. Cù Đức V, sinh ngày 20/8/2003; ĐKHKTT và nơi ở: Xóm D, V, T, Phú Thọ; Quốc tịch: V Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: Cù Văn S, sinh năm 1969 (đã chết 2022) và con bà Đinh Thị T, sinh năm 1974; Tiền án, tiền sự: Theo danh chỉ bản số 309 của D an huyện K lập ngày 14/7/2022: Không. Bị cáo đầu thú, tạm giữ từ

14/7/2022 đến 15/7/2022 chuyển tạm giam đến nay, hiện đang giam tại Trại tạm giam số 2 – D an TP Hà Nội.*"Có mặt"*.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Bà Lê Thúy M, sinh năm 1970; Nơi cư trú: Số 51, ngách 281/89 Trần S, phường E, quận Hai Bà E, TP Hà Nội. *"Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt"*.

- Anh Đào Đức M, sinh năm 1996; Nơi cư trú: Thôn 1, xã W, huyện K, TP Hà Nội. "Vắng mặt".

**** Người làm chứng***

- Anh Ngô Quang V, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Thôn K, xã X, huyện K, TP Hà Nội. *"Vắng mặt"*.

- Chị Triệu Mùi C (Tên gọi khác: Hoa), sinh năm 1998; ĐKHKTT: Thành D, B, Cao Bằng. *"Vắng mặt"*.

- Chị Trương Thị Phượng Vĩ (Tên gọi khác: Huyền) sinh năm 1999; ĐKHKTT: 9C/91/131 Trần Phú, Phước Vĩnh, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. *"Vắng mặt"*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Tối ngày 08/01/2022, khi Nguyễn Anh T đang ở phòng 105A tòa S2.03 thì Đào Đức M sử dụng số điện thoại 0344383075 nhắn tin đến số điện thoại 0855261998 của T để hỏi T điều hai nhân viên nữ đi "chén nhanh" (tức là quan hệ tình dục) với M và Ngô Quang V thì T đồng ý. T nói giá tiền mua dâm và tiền thuê phòng tổng cộng là 8.200.000 đồng, trong đó 3.500.000 đồng/1 nhân viên nữ và tiền thuê hai phòng là 1.200.000 đồng thì M và V đồng ý. Sau đó M đưa số tiền 4.100.000 đồng cho V để V chuyển số tiền 8.200.000 đồng vào số tài khoản 6883199866666 tại Ngân hàng Quân Đội (MB Bank) của T. Sau khi nhận được tiền, T gọi điện thoại cho chị Lê Thúy M, sinh năm 1970, HKTT: số 51 ngách 281/89 Trần S, phường E, Hai Bà E, Hà Nội (T thường gọi là "cô Kim") và thuê phòng 095A Tòa S2.03 KĐT E. T nói với chị M là thuê phòng 095A để T và bạn gái ngủ qua đêm. Sau đó T nhắn tin cho M bảo M và V đến sảnh tòa nhà S203 khu đô thị E. T bảo Triệu Mùi C (tên thường gọi là Hoa) và Trương Thị Phượng Vĩ (tên thường gọi là Huyền) đi bán dâm cho khách với giá 3.500.000 đồng/1 người và mỗi người sẽ được nhận 2.800.000 đồng thì cả hai đồng ý, còn lại là phần của T. Sau khi khách đến sảnh tòa S2.03 thì T bảo Cù Đức V xuống đón M và Ngô Quang V rồi đọc mật khẩu để Cù Đức V mở khóa phòng 095A cho M và Ngô Quang V vào. Sau khi đón M và Ngô Quang V lên phòng 095A, Cù Đức V quay lại phòng 105A thì thấy Triệu Mùi C và Trương Thị Phượng Vĩ đi ra khỏi phòng. V hiểu việc đón M, Ngô Quang V lên phòng 095A để quan hệ tình dục với C và Vĩ. Khi Ngô Quang

V + Triệu Thị Mùi C và M + Vỹ đang quan hệ tình dục thì bị Cơ quan D an kiểm tra hành chính.

Sau khi bị kiểm tra hành chính, M và Ngô Quang V đã thừa nhận và trình bày toàn bộ hành vi mua dâm của mình thông qua Nguyễn Anh T để mua dâm và được Cù Đức V đưa lên phòng mua dâm.

Bản cáo trạng số 124/CT-VKSGL ngày 17/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo Nguyễn Anh T về tội "Chứa mại dâm" theo quy định điểm h khoản 2 Điều 327 và bị cáo Cù Đức V về tội "Chứa mại dâm" theo quy định tại khoản 1 Điều 327 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa bị cáo T và bị cáo V thành khẩn khai nhận như sai:

+ T: Vì động cơ tư lợi, kiếm tiền vì dịch dã nên không có thu nhập nên đã nuôi, chứa 5 gái dịch vụ gồm C, Vỹ, Thanh, Mít, Dung với mục đích để điều gái dịch vụ đi tiếp khách tại các quán karaoke, nếu các khách có nhu cầu mua dâm thì bị cáo điều các gái dịch vụ này đi bán dâm nếu các gái dịch vụ này đồng ý. Bị cáo thuê 01 phòng 105A để bị cáo, V và 5 gái dịch vụ sống, tiền phòng điện nước ăn ở bị cáo lo cho tất cả mọi người, khi có khách gọi đi hát hoặc đi bán dâm thì Cù Đức V sẽ có nhiệm vụ đưa gái đi bán dâm, hoặc đến quán karaoke, các gái dịch vụ đi làm thì phải trích lại tiền cho bị cáo. Bị cáo không quen biết M và Ngô Quang V. Ngày 08/01/2022, M chủ động liên lạc với bị cáo bảo điều cho 2 em đi chén, bị cáo thỏa thuận giá với anh M xong thì có người chuyển khoản đến tài khoản của bị cáo hộ anh M số tiền 8.200.000 đồng, bị cáo thuê phòng cô Kim và hẹn khách đến phòng này, bị cáo bảo Cù Đức V đưa khách lên phòng, xong bị cáo bảo C và Vỹ đi bán dâm thì bị bắt. Bị cáo nhận thức mình đã sai, mong mức án nhẹ nhất để về chăm lo cho cha mẹ.

+ Cù Đức V: Thừa nhận hàng ngày T nuôi ăn ở, lương trả mỗi tháng 5.000.000 đồng, đã nhận lương được 1 tháng, hàng ngày có nhiệm vụ chở gái dịch vụ đi làm. Hôm 08/01/2022. T bảo bị cáo đưa khách lên phòng, V biết là khách mua dâm và biết C, Vỹ đi bán dâm cho 2 khách bị cáo vừa đưa lên. Nay biết hành vi vi phạm pháp luật, đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện K giữ nguyên quan điểm truy tố, giữ nguyên cáo trạng. Phân tích vai trò: T là người chủ mưu, thực hành. Cù Đức V là người giúp sức. Hai bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội nên đồng phạm.

Đề nghị áp dụng điểm h khoản 2 Điều 327, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, điều 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo T từ 5 năm đến 5 năm 6 tháng tù, hạn tù tính từ ngày 09/01/2022.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 327, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều

17, Điều 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo V từ 12 đến 18 tháng tù, hạn tù tính từ ngày 14/7/2022.

Hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với 02 bị cáo.

Về vật chứng vụ án, biện pháp tư pháp khác: Đề nghị áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS:

+ Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) bao cao su đã qua sử dụng (01 bao cao su thu giữ tại phòng ngủ của Ngô V và C; 01 bao cao su thu giữ tại phòng ngủ của M và Vĩ)

+ Tịch thu sung D của bị cáo Nguyễn Anh T: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu vàng, có số IMEI 352044075935884, bên trong lắp số sim 0855261998, máy đã qua sử dụng liên quan đến hành vi phạm tội

+ Tịch thu sung D của anh Đào Đức M: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen, có số IMEI 355835088384508, bên trong lắp số sim 0344383075, máy bị vỡ góc màn hình bên tay phải, máy đã qua sử dụng liên quan đến hành vi phạm tội.

+ 01 chíp từ vỏ nhựa màu da cam thu giữ của Cù Đức V là D cụ mở phòng 095A có liên quan đến hành vi phạm tội, bà M là chủ sở hữu chiếc thẻ không biết các bị cáo sử dụng thẻ vào việc phạm tội, đề nghị trả lại cho bà Lê Thúy M

+ Số tiền: 8.200.000 đồng thu giữ của Nguyễn Anh T là tiền do hành vi phạm tội mà có cho tịch thu sung D.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/0216/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án, lệ phí Tòa án 2 bị cáo T và V phải chịu án phí theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra D an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo trình tự thủ tục tố tụng của Bộ luật tố tụng hình sự. Ngoài ra quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì khác về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, do đó các hành vi quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng: Xét thấy bà M có đơn xin xử vắng mặt, anh M và 3 người làm chứng vắng mặt không có lý do nhưng tại cơ quan điều tra đã có lời khai đầy đủ, quan điểm rõ ràng, nên căn cứ Điều 292, 293 BLTTHS, HĐXX quyết định tiếp tục xét xử vắng

mặt họ là có căn cứ.

[3]. Về hành vi phạm tội: Tối ngày 08/01/2022, D an xã Đa Tốn kiểm tra hành chính phát hiện hai đôi nam nữ vừa thực hiện việc mua bán dâm, gồm Ngô Quang V + Triệu Mùi C và Đào Đức M + Trương Thị Phượng Vỹ. Sau khi lập biên bản kiểm tra, Đào Đức M và Ngô Quang V trình bày là M liên hệ với T sử dụng ĐT số 0855261998 để đặt vấn đề mua bán dâm và nhờ T thuê phòng mua dâm. Quá trình điều tra T, M, Ngô Quang V, Cù Đức V và hai gái bán dâm là C và Vỹ khai phù hợp nhau, lời khai của T, Cù Đức V, M phù hợp với các giao dịch điện thoại và ngân hàng đã được thu thập, nên đủ cơ sở kết luận vào tối ngày 08/01/2022, Nguyễn Anh T đã có hành vi cho anh M, anh Ngô Quang V thuê địa điểm để làm nơi tụ tập những người mua bán dâm, dưới sự giúp sức của Cù Đức V là đưa người mua dâm đến phòng cho thuê, nên hành vi của T và Cù Đức V đã đủ yếu tố cấu thành tội Chứa mại dâm quy định tại Điều 327 BLHS. Đối với Nguyễn Anh T bản án số 24/2019/HSST ngày 25/4/2019 đã xác định T tái phạm, T bị xử 8 tháng trộm cắp tài sản. T ra trại ngày 24/10/2020 đến ngày 08/01/2022 lại phạm tội, chưa hết 02 năm kể từ ngày thi hành xong hình phạt chính theo điểm b khoản 2 Điều 70 của BLHS nên hành vi lần này của T là tái phạm nguy hiểm theo tình tiết định khung tại điểm h khoản 2 Điều 327 BLHS. Đối với Cù Đức V có vai trò đưa khách lên phòng thuê, chung ý chí với T thực hiện hành vi nên đồng phạm với T về tội Chứa mại dâm là có cơ sở.

Hành vi của hai bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến trật tự D cộng, xâm phạm đạo đức xã hội, nếp sống văn minh xã hội chủ nghĩa, sức khỏe con người và là nguyên nhân lây truyền các loại virut gây bệnh nguy hiểm như hoa liễu, giang M, đặc biệt là HIV/AIDS. Tội phạm này được quy định nhằm đấu tranh với một trong các tệ nạn xã hội nghiêm trọng, nạn mại dâm, bảo vệ trật tự xã hội, sức khỏe của nhân dân, xây dựng nếp sống văn minh, lành mạnh nhưng các bị cáo vì tư lợi cá nhân bất chấp để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật của mình, nên cần cách ly hai bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian trong khung hình phạt để răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên về nhân thân:

Bị cáo T, Cù Đức V thành khẩn khai báo ăn năn hối cải được áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo V ra đầu thú tuy nhiên đã bị truy nã cho bị cáo được áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS là có căn cứ, lấy đó làm các tình tiết giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho hai bị cáo.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo T và Cù Đức V đều không có D ăn việc làm, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền với hai bị cáo là có căn cứ.

[5]. Về vật chứng:

+ 02 (hai) bao cao su đã qua sử dụng, cho tịch thu tiêu hủy

+ 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu vàng, có số IMEI 352044075935884, bên trong lắp số sim 0855261998, máy đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Nguyễn Anh T là D cụ bị cáo dùng để liên lạc thực hiện hành vi phạm tội do vậy cho tịch thu sung D quỹ nhà nước là có căn cứ.

+ 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen, có số IMEI 355835088384508, bên trong lắp số sim 0344383075, máy bị vỡ góc màn hình bên tay phải, máy đã qua sử dụng thu giữ của anh Đào Đức M là D cụ anh M dùng để liên lạc với bị cáo T để mua bán dâm do vậy cho tịch thu sung D quỹ nhà nước là có căn cứ.

+ 01 chíp từ vỏ bằng nhữa màu da cam thu giữ của bị cáo Cù Đức V là D cụ để mở của phòng 095A, tòa S203 KĐT E do bà M không biết bị cáo T và bị cáo V thực hiện hành vi phạm tội trả lại cho bà Lê Thúy M là có căn cứ.

+ Số tiền: 8.200.000 đồng thu giữ của bị cáo T là tiền do phạm tội mà có cho tịch thu sung D là có căn cứ.

[6]. Hành vi của những người liên quan khác trong vụ án.

+ Đối với hành vi của anh Đào Đức M và anh Ngô Quang V cùng nhau góp tiền để đi mua dâm với Triệu Mùi C và Trương Thị Phượng Vĩ. Ngày 14/4/2022, D an huyện K ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Đào Đức M và Ngô Quang V về hành vi "mua dâm" quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ, mức phạt 1.500.000 đồng và xử phạt vi phạm hành chính đối với Triệu Mùi C và Trương Thị Phượng Vĩ về hành vi "bán dâm" quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ, hình phạt: Cảnh cáo là đã bị xử lý về hành vi vi phạm.

+ Đối với chị Lê Thúy M, sinh năm 1970; Nơi cư trú: Số 51, ngách 281/89 Trần S, phường E, quận Hai Bà E, TP Hà Nội là chủ căn hộ 095A tòa S203 khu đô thị E cho Nguyễn Anh T thuê phòng nhưng không biết T thuê để cho cho khách mua bán dâm nên cơ quan điều tra - D an huyện K không có căn cứ xử lý hình sự đối với chị M là có căn cứ.

+ Đối với điện thoại của anh Ngô Quang V sử dụng để chuyển khoản cho T, V đã làm mất, nên không thu được vật chứng không xem xét giải quyết.

[7]. Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Anh T, Cù Đức V cùng phạm tội "Chứa mại

dâm".

Căn cứ:

- Điểm h khoản 2 Điều 327 đối với bị cáo Nguyễn Anh T; Khoản 1 Điều 327 đối với bị cáo Cù Đức V; Điểm s khoản 1 Điều 51; Khoản 2 Điều 51 với bị cáo Cù Đức V, các Điều 17, 38, 58, 47 của Bộ luật hình sự;

- Khoản 2 Điều 106, các Điều 136, 292, 293, 331, 332, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Anh T 06 (Sáu) năm tù, hạn tù tính từ ngày 09/01/2022.

- Bị cáo Cù Đức V 18 (Mười tám) tháng tù, hạn tù tính từ ngày 14/7/2022.

2. Về hình phạt bổ sung đối với 02 bị cáo: Không

3. Về vật chứng:

3.1. Tịch thu tiêu hủy: 02 bao cao su đã qua sử dụng

3.2. Tịch thu sung D:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu vàng, có số IMEI 352044075935884, bên trong lắp số sim 0855261998, máy đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Nguyễn Anh T.

+ 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen, có số IMEI 355835088384508, bên trong lắp số sim 0344383075, máy bị vỡ góc màn hình bên tay phải, máy đã qua sử dụng thu giữ của anh Đào Đức M.

+ 8.200.000 đồng theo biên lai số AA/2020/0055159 ngày 19/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

3.3. Trả lại cho bà Lê Thúy M 01 chíp từ vỏ bằng nhựa màu da cam.

(Biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/8/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K)

4. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Anh T, Cù Đức V mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho hai bị cáo Nguyễn Anh T, Cù Đức V có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lê Thúy M, anh Đào Đức M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- BÞ c¸o;
- Tßa ¸n nh©n d©n TP Hµ Néi;
- VKSND TP Hµ Néi;
- C«ng an huyÖn Gia L©m;
- VKSND huyÖn Gia L©m;
- Chi cục THADS huyÖn Gia L©m;
- L-u hå s¬ vô ¸n;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thiên Hương